TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2024

Số: 171/QĐ-SKĐAHCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh trúng tuyển có điều kiện tuyển sinh Đại học chính quy năm 2024
Phương thức 406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-SKĐAHCM ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-SKĐAHCM ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2024;

Căn cứ Biên bản số /BB-SKĐAHCM ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy năm 2024 về xét điểm chuẩn và số lượng thí sinh trúng tuyển có điều kiện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thư ký.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 106 thí sinh trúng tuyển có điều kiện kỳ thi tuyển sinh Đại học chính quy năm 2024 như sau:

- Ngành Đạo diễn sân khấu; Mã ngành: 7210227: 17 thí sinh *(có danh sách kèm theo).*
- Ngành Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Mã ngành: 7210235: 26 thí sinh *(danh sách kèm theo).*
- Ngành Quay phim; Mã ngành: 7210236: 18 thí sinh *(có danh sách kèm theo).*
- Ngành Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Mã ngành: 7210234: 45 thí sinh *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Những thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 có nghĩa vụ và quyền lợi theo quy chế tuyển sinh hiện hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng, Phó Phòng, Khoa, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Vụ Đào tạo - Bộ VH,TT&DL *(để b/c);*
- Vụ Giáo dục Đại học - Bộ GD&ĐT *(để b/c);*
- Đăng Website, fanpage;
- Lưu: VT, BTKHĐTS.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
KT. HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÓ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 171/ QĐ-SKĐAHCM-HĐTS ngày 08 tháng 7 năm 2024)

Ngành: Đạo diễn sân khấu

Mã ngành: 7210227

TT	MHS	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	SBD	Phòng thi	Phân tích (hs2)	Năng khiếu	Văn	Tổng điểm	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	245	Đỗ Trần Minh Châu	10-04-99	Nữ	02	18		3	00002	0001	6.50	8.00	6.6	27.60	25.00	
2	146	Đỗ Thị Huyền Duy	17-11-00	Nữ	61	02		2NT	00005	0001	5.50	7.50	7.2	26.20	25.00	
3	337	Đặng Nguyễn Khánh Duy	04-09-05		49	12		2NT	00006	0001	6.00	5.50	8.0	26.00	25.00	
4	518	Lê Hoàng Đạo	04-11-93		42	02		1	00007	0001	7.50	5.50	6.5	27.75	25.00	
5	93	Trần Quốc Lợi	23-09-03		02	13		3	00013	0001	6.50	7.00	7.8	27.80	25.00	
6	260	Phan Mai Thảo Minh	19-10-06	Nữ	04	03		3	00016	0001	6.00	7.50	7.6	27.10	25.00	
7	507	Nguyễn Vũ Hải Minh	15-10-06		02	11		3	00017	0001	5.50	7.00	8.8	26.80	25.00	
8	526	Nguyễn Kim Ngân	17-02-97	Nữ	02	18		3	00018	0001	7.00	5.50	7.3	26.80	25.00	
9	174	Vũ Hương Quỳnh	14-11-05	Nữ	02	09		3	00024	0002	6.00	7.50	9.1	28.60	25.00	
10	590	Phạm Văn Rõ	26-09-81		37	01		3	00025	0002	6.00	8.00	6.0	26.00	25.00	
11	453	Lê Văn Thọ	05-11-65		02	01		3	00030	0002	6.00	7.50	5.5	25.00	25.00	
12	591	Nguyễn Phúc Thanh Trà	09-07-04		02	08		3	00032	0002	7.50	5.50	8.9	29.40	25.00	
13	410	Lâm Thế Vinh	25-12-96		59	07		1	00033	0002	6.00	7.50	6.9	27.15	25.00	
14	388	Nguyễn Tất Vinh	11-08-04		48	01		2	00034	0002	7.50	5.00	7.8	28.05	25.00	
15	535	Nguyễn Hùng Vương	19-07-94		55	03		3	00035	0002	6.00	8.00	6.9	26.90	25.00	
16	96	Nguyễn Thị Thảo Vy	24-12-99	Nữ	02	08		3	00036	0002	6.00	5.50	7.8	25.30	25.00	
17	302	Cao Hoàng Yến	26-04-03	Nữ	02	12		3	00038	0002	5.50	6.50	8.6	26.10	25.00	

Ấn định danh sách 17 thí sinh ./.

Người lập bảng

Ng Trọng Hiếu

Trưởng Ban Thư ký

Chủ tịch HĐTS

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÓ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1711 QĐ-SKĐAHCM-HĐTS ngày 08 tháng 7 năm 2024)

Ngành: Đạo diễn điện ảnh, truyền hình

Mã ngành: 7210235

TT	MHS	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	SBD	Phòng thi	Phân tích (hs2)	Năng khiếu	Văn	Tổng điểm	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	340	Thạch Quốc An	23-01-06		59	02		1	00452	0003	6.00	7.50	9.1	29.34	28.00	
2	252	Võ Ngọc Trâm Anh	14-12-05	Nữ	44	03		2NT	00456	0003	8.00	6.00	8.3	30.80	28.00	
3	181	Trần Mỹ Anh	03-01-98	Nữ	02	21		3	00458	0003	7.50	7.50	7.0	29.50	28.00	
4	331	Phạm Thế Bảo	21-08-06		02	18		3	00459	0003	6.00	8.00	8.9	28.90	28.00	
5	203	Võ Gia Bảo	01-01-06	Nữ	02	22		2	00464	0003	7.00	8.00	8.2	30.43	28.00	
6	12	Phạm Băng Băng	09-05-06	Nữ	57	03		2NT	00465	0003	6.50	6.50	8.2	28.20	28.00	
7	125	Bùi Phạm Nhật Duy	07-07-03		64	05		2NT	00470	0003	8.00	6.00	7.5	30.00	28.00	
8	500	Hồ Quang Duy	24-01-06		02	18		3	00471	0003	6.50	8.00	8.6	29.60	28.00	
9	516	Hoàng Trần Thùy Dương	09-11-02	Nữ	44	05		2	00473	0003	6.50	8.00	7.7	28.95	28.00	
10	168	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	29-08-01	Nữ	04	05		3	00479	0004	6.00	8.00	8.0	28.00	28.00	
11	67	Lê Công Hiếu	28-12-98		31	07		2NT	00480	0004	7.50	5.50	8.1	29.10	28.00	
12	262	Nguyễn Thúy Hiền	18-10-06	Nữ	25	10		2	00481	0004	6.00	7.50	8.5	28.25	28.00	
13	223	Lê An Hòa	06-06-03		52	01		2	00483	0004	7.00	6.00	9.4	29.65	28.00	
14	387	Nguyễn Lê Anh Kiệt	08-07-06		53	01		2	00490	0004	6.50	5.50	9.4	28.15	28.00	
15	473	Tăng Chiêu Khánh Linh	22-03-06	Nữ	02	06		3	00493	0004	6.00	8.50	9.8	30.30	28.00	
16	416	Trần Khánh Ly	23-09-06	Nữ	35	15		2	00497	0004	7.50	5.50	8.5	29.25	28.00	
17	159	Nguyễn Thị Giáng My	14-09-06	Nữ	46	02		2NT	00500	0004	6.50	6.00	9.3	28.80	28.00	
18	540	Nguyễn Thị Kim Ngân	09-07-01	Nữ	60	01		1	00502	0005	6.50	8.00	7.8	29.55	28.00	
19	434	Trần Thị Kim Ngân	15-03-05	Nữ	63	02		1	00503	0005	6.00	8.00	8.0	28.75	28.00	
20	414	Phạm Trung Nghiêm	02-05-06		02	18		3	00507	0005	6.00	7.50	8.8	28.30	28.00	
21	2	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14-01-97	Nữ	53	05		2	00510	0005	6.00	8.50	7.4	28.15	28.00	
22	363	Phạm Nguyễn Cao Nguyên	22-04-06		42	01		2	00512	0005	7.50	7.00	7.0	29.25	28.00	
23	409	Phạm Thị Diễm Nhi	17-01-05	Nữ	63	01		1	00514	0005	8.00	7.50	9.1	33.14	28.00	
24	215	Hoàng Thị Yến Nhi	13-07-04	Nữ	63	01		1	00515	0005	6.50	7.50	8.0	29.25	28.00	

25	43	Lâm Ngọc Nhiên	25-11-06	Nữ	54	01		2	00516	0005	7.00	5.50	8.6	28.35	28.00	
26	237	Nguyễn Lê Quyền Trân	15-04-04	Nữ	02	18		3	00538	0006	7.50	6.00	8.0	29.00	28.00	

Ấn định danh sách 26 thí sinh ./.

Người lập bảng

Ngô Trọng Hiếu

Trưởng Ban Thư ký

Lê Hy

Chủ tịch HĐTS

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÓ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1711 QĐ-SKĐAHCM-HĐTS ngày 08 tháng 7 năm 2024.)

Ngành: Quay phim

Mã ngành: 7210236

TT	MHS	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	SBD	Phòng thi	Phân tích	Năng khiếu (hs2)	Văn	Tổng điểm	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	379	Võ Hoàng Anh	16-08-06		02	19		2	00552	0007	5.00	7.50	7.5	27.75	26.50	
2	103	Nguyễn Lê Thế Anh	29-12-05		50	02		2NT	00553	0007	6.50	8.00	6.5	29.50	26.50	
3	6	Nguyễn Hoàng Bảo	02-02-06		02	06		3	00554	0007	5.00	8.00	5.7	26.70	26.50	
4	17	Phạm Ngọc Diệp	15-05-98	Nữ	02	13		3	00556	0007	7.50	8.00	7.8	31.30	26.50	
5	465	Lê Quốc Hưng	20-10-05		43	04		1	00562	0007	6.00	9.00	5.3	30.05	26.50	
6	142	Phạm Quang Khải	20-01-06		21	01		2	00563	0007	5.00	8.00	7.6	28.85	26.50	
7	3	Đào Minh Khoa	05-08-02		02	19		3	00565	0007	5.00	9.00	6.5	29.50	26.50	
8	99	Hoàng Gia Kỳ	24-07-06		48	11		2	00568	0007	6.00	8.00	8.2	30.45	26.50	
9	55	Mai Nguyễn Chí Linh	21-04-06		02	17		3	00569	0007	6.50	8.00	7.9	30.40	26.50	
10	415	Trần Nhật Luân	20-02-06		37	01		2	00570	0008	5.00	8.50	7.2	29.45	26.50	
11	7	Đào Tuấn Minh	04-09-06		01	08		3	00573	0008	5.50	8.50	5.9	28.40	26.50	
12	577	Phan Huỳnh Nhật Nam	11-11-04		53	02		2	00574	0008	7.00	7.00	8.1	29.35	26.50	
13	426	Nguyễn Thế Nguyên	04-09-06		49	06		2NT	00575	0008	5.50	8.00	8.2	30.20	26.50	
14	377	Hà Thanh Nhã	05-06-06		53	03		2NT	00576	0008	6.00	6.00	8.2	26.70	26.50	
15	104	Nguyễn Vũ Dương Tâm	04-03-06		02	19		3	00581	0008	7.00	8.00	7.4	30.40	26.50	
16	525	Lê Phương Thạc	26-02-06		32	03		2NT	00582	0008	6.50	8.00	8.3	31.28	26.50	
17	286	Nguyễn Hoàng Tới	09-01-06		56	09		2NT	00584	0008	5.00	8.00	7.4	28.90	26.50	
18	259	Nguyễn Anh Vũ	11-01-04		63	02		3	00588	0008	8.00	5.00	8.7	26.70	26.50	

Ấn định danh sách 18 thí sinh ./.

Người lập bảng

Nguyễn Trọng Hiếu

Trưởng Ban Thư ký

Lê Thị

Chủ tịch HĐTS

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÓ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 171/ QĐ-SKĐAHCM-HĐTS ngày 08 tháng 7 năm 2024)

Ngành: Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình

Mã ngành: 7210234

TT	MHS	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	SBD	Phòng thi	Năng khiếu	Văn	Tổng điểm	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	244	Chế Hoàng Phương Anh	15-10-04	Nữ	38	01		2	00051	2.001	9.00	6.9	24.90	23.50	
2	113	Phạm Mai Anh	30-08-05	Nữ	59	01		1	00053	2.001	9.00	8.8	26.80	23.50	
3	1	Lê Minh Anh	04-01-06	Nữ	02	11		2	00457	2.001	8.00	8.5	24.50	23.50	
4	398	Võ Thị Thanh Bình	01-01-05	Nữ	32	04		2NT	00069	2.001	9.00	6.8	24.80	23.50	
5	587	Ngô Thị Linh Chi	17-12-06	Nữ	29	18		2NT	00075	2.001	8.00	9.0	25.00	23.50	
6	543	Nguyễn Ngọc Chiến	04-09-04		45	01		2	00076	2.001	9.00	5.8	23.80	23.50	
7	441	Lê Văn Chí Đạt	06-08-03		50	06		2NT	00096	2.001	9.00	7.1	25.10	23.50	
8	14	Ngô Minh Đức	03-06-06		02	12		3	00107	2.001	9.00	9.5	27.50	23.50	
9	451	Lê Thu Giang	29-06-06	Nữ	02	16		3	00109	2.001	8.50	6.7	23.70	23.50	
10	137	Trần Phạm Mỹ Hân	31-03-05	Nữ	02	10		3	00116	2.001	8.50	8.5	25.50	23.50	
11	275	Nguyễn Thị Hồng Hân	26-11-06	Nữ	56	04		2NT	00118	2.001	8.50	7.1	24.10	23.50	
12	98	Nguyễn Quỳnh Hoa	25-11-06	Nữ	02	23		2	00134	2.002	8.50	6.5	23.50	23.50	
13	311	Hồ Nguyễn Gia Huy	04-11-06		34	01		2	00149	2.002	8.50	8.3	25.30	23.50	
14	454	Lê Nguyễn Phúc Huy	09-01-05		02	17		3	00153	2.002	8.50	6.5	23.50	23.50	
15	533	Dương Đức Huy	16-09-04		25	01		2	00154	2.002	8.50	8.0	25.00	23.50	
16	261	Nguyễn Mạnh Quốc Hùng	21-06-06		02	22		3	00157	2.002	8.50	7.4	24.40	23.50	
17	487	Nguyễn Phúc Duy Khang	19-10-03		45	01		2	00174	2.002	8.50	6.8	23.80	23.50	
18	246	Hồ Đăng Khoa	18-08-03		50	11		2NT	00179	2.002	9.00	6.6	24.60	23.50	
19	65	Trần Minh Mẫn	09-03-06		02	08		3	00207	2.002	8.50	7.5	24.50	23.50	
20	443	Võ Ngọc ánh Minh	26-09-03	Nữ	02	15		3	00213	2.002	8.50	8.9	25.90	23.50	
21	54	Nguyễn Phan Thảo My	16-05-06	Nữ	02	15		3	00219	2.002	8.50	8.3	25.30	23.50	
22	182	Hoàng Thị Trà My	11-06-05	Nữ	32	01		2	00225	2.003	9.00	7.8	25.80	23.50	
23	330	Nguyễn Quốc Nam	13-05-02		59	07		1	00230	2.003	8.50	7.8	24.80	23.50	
24	278	Phạm Nguyễn Thanh Ngân	11-03-05	Nữ	48	02		2NT	00234	2.003	9.00	5.9	23.90	23.50	

25	349	Nguyễn Thị ái Ngân	15-10-06	Nữ	61	02		1	00239	2.003	8.50	8.1	25.10	23.50	
26	460	Nguyễn Bảo Ngọc	27-11-05	Nữ	34	04		2	00249	2.003	9.00	7.5	25.50	23.50	
27	79	Nguyễn Hoàng Thanh Ngọc	17-12-05	Nữ	48	01		2	00250	2.003	9.00	8.6	26.60	23.50	
28	178	Lê Thị Khánh Ngọc	18-02-06	Nữ	54	05		2NT	00252	2.003	9.00	8.6	26.60	23.50	
29	48	Quách Nguyễn Minh Nhựt	17-05-05		02	16		3	00274	2.003	9.00	6.9	24.90	23.50	
30	555	Trương Đình Phúc	11-11-06		48	08		2NT	00289	2.003	9.00	8.3	26.30	23.50	
31	117	Trần Nguyễn Minh Quyên	18-06-04	Nữ	02	17		3	00311	2.003	8.50	6.9	23.90	23.50	
32	467	Hồ Thái Tài	25-02-01		02	10		3	00329	2.003	9.00	6.1	24.10	23.50	
33	149	Lê Võ Quốc Thái	05-08-04		02	20		3	00336	2.004	7.00	9.7	23.70	23.50	
34	217	Trần Quang Thành	06-09-04		33	01		2	00340	2.004	8.50	7.3	24.30	23.50	
35	197	Phạm Vũ Thành	11-06-03		54	01		2	00344	2.004	8.50	6.7	23.70	23.50	
36	114	Lê Trà Thu Thủy	05-12-05	Nữ	34	05		2NT	00360	2.004	8.50	7.2	24.20	23.50	
37	305	Lưu Thị Hoài Thương	04-02-05	Nữ	29	01		2	00368	2.004	9.00	7.1	25.10	23.50	
38	107	Nguyễn Phương Tính	17-08-04		61	01		1	00377	2.004	8.50	5.9	23.65	23.50	
39	523	Hồ Thị Bảo Trân	10-09-04	Nữ	44	06		2NT	00382	2.004	8.50	7.6	24.60	23.50	
40	345	Trần Huyền Trân	09-11-05	Nữ	50	01		3	00385	2.004	8.50	8.4	25.40	23.50	
41	77	Phan Thị Mỹ Trinh	27-08-04	Nữ	48	08		1	00394	2.004	9.00	8.7	26.70	23.50	
42	402	Đỗ Chí Trọng	17-11-06		04	07		3	00401	2.004	9.00	6.8	24.80	23.50	
43	561	Phạm Tuân	16-09-06		51	01		2NT	00410	2.004	9.00	7.3	25.30	23.50	
44	234	Nguyễn Thanh Vũ	22-04-06		64	09		2	00427	2.004	8.50	8.5	25.50	23.50	
45	470	Lê Thành Vũ	30-09-05		37	08		2NT	00430	2.004	8.50	7.5	24.50	23.50	

Ấn định danh sách 45 thí sinh ./.

Người lập bảng

Ng Trọng Hiếu

Trưởng Ban Thư ký

Lê Thi

Chủ tịch HĐTS

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang